NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

HIỆN TƯỢNG LƯỠNG KHẢ NGỮ ÂM TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC

NGUYỄN THỊ THANH NGÂN*

TÓM TẮT: Lưỡng khả ngữ âm là những trường hợp một đơn vị ngôn ngữ có nhiều hình thức chính tả khác nhau cùng tồn tại và đều được cộng đồng ngôn ngữ chấp nhận. Trong giao tiếp, lưỡng khả ngữ âm không gây ảnh hưởng quá lớn; nhưng trong giảng dạy, đặc biệt ở cấp tiểu học, hiện tượng này đem lại những phiền toái không đáng có. Từ việc phân tích các trường hợp cụ thể, bài viết đưa ra một vài đề xuất nhằm góp phần thống nhất hình thức chính tả được trình bày trong sách giáo khoa, từ đó giúp việc dạy học môn tiếng Việt ở trường tiểu học thuận lợi và hiệu quả hơn.

TỪ KHÓA: lưỡng khả ngữ âm; ngữ âm tiếng Việt; chuẩn chính tả; sách giáo khoa; giáo dục tiểu học.

NHẬN BÀI: 21/07/2023. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/10/2023

1. Mở đầu

Lưỡng khả (ambiguity) là hiện tượng có hai/ hoặc nhiều biến thể của một đơn vị cùng tồn tại và đều được cộng đồng chấp nhận khi sử dụng. Trong ngôn ngữ, hiện tượng này khá phổ biến, chủ yếu được các nhà khoa học khai thác với tư cách những trường hợp đa sở biểu (cái được biểu đạt-signed) như đồng âm, đa nghĩa, câu mơ hồ/ nhiều nghĩa, hàm ý… ở các phương diện: từ vựng (lexical ambiguity), ngữ nghĩa (semantic ambiguity), cú pháp (syntax ambiguity), ngữ dụng (pragmatic ambiguity)… Trường hợp đa năng biểu (cái biểu đạt-sign), dù không thật sự phổ biến, nhưng cũng được nhắc tới, gắn với tính chất đặc thù của từng cộng đồng ngôn ngữ.

Với tiếng Việt, lưỡng khả ngữ âm có liên quan mật thiết đến chuẩn chính tả. Khác với tình trạng sai chính tả do người viết không nắm được quy tắc ngữ âm/ không hiểu rõ ngữ nghĩa của từ, hiện tượng lưỡng khả này tồn tại bởi người bản ngữ chấp thuận đồng thời nhiều hình thức ngữ âm của cùng một từ. Đó là khi "*có hai ba hình thức chính tả khác nhau cùng tồn tại, những hình thức chính tả này có thể có giá trị như nhau (đều là chuẩn) hoặc có giá trị khác nhau (có một hình thức là chung, phổ biến, còn những hình thức khác chỉ được sử dụng một cách hạn chế là những biến thể chính tả cũ, hoặc phương ngữ, ít dùng)… Chuẩn chính tả không chỉ đơn giản là xác định (hoặc quy định) chuẩn chính tả, mà còn là xác định những trường hợp thật sự có lưỡng khả, và trong từng trường hợp, xác định giá trị khác nhau của mỗi hình thức chính tả*" [Hoàng Phê, 1983, tr.130-132]. Đặt trong sự phát triển ngôn ngữ tất yếu của một cộng đồng, hiện tượng lưỡng khả có nhiều thay đổi ở từng thời điểm khảo sát. Nhiều trường hợp lưỡng khả trong quá khứ nay đã là nhất khả, ngược lại, nhiều trường hợp nhất khả trong quá khứ nay lại trở thành lưỡng khả. Chính sự sàng lọc tự nhiên của quy luật ngôn ngữ, căn cứ vào tần suất sử dụng, sẽ là câu trả lời khách quan nhất về hình thức chuẩn mực của một từ.

Bàn về vấn đề này, các tác giả Hoàng Phê, Trần Trí Dõi, Nguyễn Văn Khang… đã đề cập những trường hợp có nhiều hình thức chính tả, phân biệt chúng với hiện tượng sai chính tả, đưa ra những quan niệm xác đáng về khái niệm chuẩn chính tả, từ đó nhấn mạnh tính cấp thiết phải ban hành quy định về chuẩn chính tả tiếng Việt. Cùng quan điểm này, trên các diễn đàn khoa học, các tác giả Phạm Văn Tình, Nguyễn Văn Hiệp, Trần Văn Sáng… cũng đưa ra những quan điểm và đóng góp cụ thể, nhằm đi đến mục đích chung là xây dựng chuẩn chính tả tiếng Việt trong bối cảnh mới. Ở phạm vi hẹp hơn, khi bàn về lưỡng khả, tác giả Hồ Xuân Tuyên căn cứ vào chuẩn âm, từ nguyên, tính phổ biến, thông qua Từ điển chính tả (Hoàng Phê-2003) đã xác định được các trường hợp lưỡng khả điển hình (cả hai hình thức chính tả đều được coi là chuẩn, đều phổ biến) và lưỡng khả không điển hình (cả hai hình thức chính tả đều được coi là chuẩn, trong đó hình thức chuẩn phổ biến được đánh dấu), từ đó đưa ra những phương án xử lí đối với từng trường hợp cụ thể [10]. Nhìn chung, các công trình đều hướng đến một mục tiêu chung khái quát và cấp thiết, giúp việc sử dụng, nghiên cứu và học tập

* *TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: nttngan@ued.udn.vn*

tiếng Việt thuận lợi và hiệu quả hơn, nhưng ngoài Hồ Xuân Tuyên, chưa có tác giả nào bàn sâu về lưỡng khả ngữ âm, nhất là trong sách giáo khoa (SGK) ở cấp tiểu học. Việc nhận diện hiện tượng này trong quá trình giảng dạy - học tập để có các phương án giải thích chúng sẽ góp phần gắn thành quả nghiên cứu của các nhà từ điển học vào cuộc sống, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018, thời lượng môn tiếng Việt ở trường tiểu học luôn được ưu tiên, nhằm tạo điều kiện tối đa cho việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học nói riêng, năng lực giao tiếp và hợp tác nói chung cho học sinh. Ở giai đoạn này, để xây dựng một nền tảng vững chắc về tiếng mẹ đẻ, học sinh tiểu học rất cần có sự định hướng của giáo viên để phân biệt được đúng và sai, chuẩn chính tả và các biến thể. Ý thức được tầm quan trọng đó, bài viết này áp dụng phương pháp thống kê, phân tích, miêu tả cùng các thủ pháp thay thế, lược bỏ, bổ sung để nhận diện, lí giải hiện tượng; từ đó đưa ra các đề xuất về việc xử lí ngữ liệu lưỡng khả một cách hiệu quả, nhằm áp dụng cho việc dạy học rèn luyện kĩ năng viết ở trường tiểu học. Với kết quả thu được, bài viết này hi vọng giúp ích ít nhiều trong việc dạy học môn tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh tiểu học.

2. Những trường hợp lưỡng khả ngữ âm cụ thể trong SGK môn tiếng Việt ở trường tiểu học

Hiện tượng lưỡng khả ngữ âm thể hiện ở các khía cạnh cụ thể: âm đầu, âm chính, âm cuối, thanh điệu của âm tiết với tư cách là đơn vị "nhất thể tam ngôi" (tiếng - hình vị - từ). Việc khảo sát được tiến hành trên cơ sở rà soát ngữ liệu trong SGK môn tiếng Việt lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 (bản mẫu) của các bộ sách Cánh diều (CD), Chân trời sáng tạo (CTST), Kết nối tri thức với cuộc sống (KNTT). Ngữ liệu được xác định là những hiện tượng có nhiều hình thức chính tả cùng tồn tại. Theo đó, kết quả thu được như sau:

STT	Hiện tượng lưỡng khả	Số lượng	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	Âm đầu	23	136	60
2	Âm chính	7	66	29.3
3	Âm cuối	1	1	0.5
4	Thanh điệu	4	23	10.2
Tổng		35	226	100

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy: Trên cơ sở những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính tả trong chương trình và SGK phổ thông 2018, các bộ SGK hầu hết đều có sự thống nhất về cách trình bày về cách viết tên riêng, thuật ngữ, cách đặt dấu thanh, viết tắt ngày tháng năm, viết số thập phân… [2]. Đối với các từ thông thường, các tác giả biên soạn SGK đã có đóng góp lớn trong việc thống nhất hình thức ngữ âm cho nhiều trường hợp trước nay vẫn được coi là lưỡng khả (chẳng hạn: dùng con chữ "d" thay cho "gi" trong các trường hợp "*dòng sông"; "dông bão", "dong buồm"*…; dùng con chữ "ă" thay cho "a" trong trường hợp "*hằng ngày*", dùng "y" thay cho "i" khi gọi tên địa phương, quốc gia, quốc tịch (Mỹ, Mỹ Tho…), v.v. Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn không ít trường hợp sử dụng đồng thời những từ có nhiều hình thức chính tả (chẳng hạn: *trời/ giời; trở đi/ giở đi*…). Hiện tượng này tồn tại trong SGK ở các khối lớp khác nhau, ở các bộ sách khác nhau, thậm chí trong cùng một cuốn sách của một khối lớp, khiến học sinh tiểu học khó phân biệt đâu là hình thức chuẩn chính tả, đâu là biến thể.

Các trường hợp lưỡng khả âm đầu trong SGK tiểu học được thống kê như sau:

STT	Lưỡng khả âm đầu	Thể hiện trên chữ viết	Ví dụ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ trong cặp lưỡng khả (%)
1	/z/ và /ɲ/	d/nh	(con) *dím*	1	83,3
			(con) *nhím*	11	16,7
2	/đ/ và /ʂ/	đ/s	(màu) *đậm*	2	40
			(màu) *sậm*	3	60
3	/z/ và /c/	gi/ch	*giăng* (tơ)	4	80
			chăng (tơ)	1	20

4	/h/ và /ŋ/	h/ng	(lặn) *hụp*	1	50
			(lặn) *ngụp*	1	50
5	/l/ và /ʈ/	l/tr	*lánh* (mặt)	1	50
			tránh (mặt)	1	50
6	/l/ và /ʈ'/	l/th	*loáng* (một cái)	1	50
			thoáng (một cái)	1	50
7	/n/ và /z/	n/d	(thìa) *nĩa*	1	25
			(thìa) *dĩa*	3	75
8	/n/ và /d/	n/đ	(tấm) *nệm*	1	50
			(tấm) *đệm*	1	50
9	/n/và /h/	n/h	*náo nức*	2	33,3
			háo hức	4	66,7
10	/n/ và /t/	n/t	*núng (thế)*	2	66,7
			túng (thế)	1	33,3
11	/ŋ/ và /ʐ/	ng/r	*ngợp (*trời)	1	33,3
			rợp (trời)	2	66,7
12	/ʐ/ và /z/	r/d	(bay lả) *rập rờn*	3	27,3
			(bay lả) *dập dờn*	8	72,7
13	/ʐ/ và /c/	r/ch	*lích rích/ lích ra lích rích*	2	40
			lích chích/ lích cha lích chích	3	60
14	/ʐ/ và /ɲ/	r/nh	*rộn rịp*	1	33,3
			nhộn nhịp	2	66,7
15	/ʐ/ và /t/	r/t	(đàn sẻ) *ríu rít*	1	33,3
			(đám sẻ) *tíu tít*	2	66,7
16	/t/ và /s/	t/x	(chạy) *lon ton*	3	60
			(chạy) *lon xon*	2	40
17	/t/ và /ɲ/	t//nh	*toài* (xuống)	1	50
			nhoài (xuống)	1	50
18	/ʈ'/ và /d/	th/đ	(bước) *thủng thỉnh*	1	33,3
			(bước) *đủng đỉnh*	2	66,7
19	/ʈ'/ và /f/	th/ph	(bạc) *thếch*	1	33,3
			(bạc) *phếch*	2	66,7
20	/ʈ'/ và /ʂ/	th/s	(màu) *thẫm*	4	57,1
			(màu) *sẫm*	3	42,9
21	/ʈ/ và /z/	tr/gi	(mái/ nhà) *tranh*	5	71,4
			(mái/ nhà) *gianh*	2	28,6
			trời	15	88,2
			giời	2	11,8
			trở (đi)	1	50
			giở (đi)	1	50
22	/ʈ/ và /ʐ/	tr/r	*trải* (nhựa/ hoa)	5	50
			rải (nhựa/ hoa)	5	50
23	/s/ và /c/	x/ch	*xung (*quanh)	9	75
			chung (quanh)	3	25
Tổng				136	

Xét trong đối sánh giữa các từ trong cùng cặp, có thể thấy các từ toàn dân thường có tỉ lệ xuất hiện cao hơn các từ địa phương hay các từ mang sắc thái tu từ. Có thể thấy các biến thể thường có nguồn gốc từ sự biến âm đầu do ảnh hưởng của cách phát âm vùng miền (ví dụ: *tranh/ gianh; trời/ giời; xung quanh/ chung quanh; dím/ nhím; nĩa/ dĩa*…), từ sự sáng tạo các từ tượng thanh/ tượng hình gần âm mang hàm ý nghệ thuật của nhà văn (ví dụ: *lon xon/ lon ton; bạc phếch/ bạc thếch*…). Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn những trường hợp khiến giáo viên và học sinh tiểu học bối rối, bởi dù chung cách diễn đạt, thậm chí cùng trích dẫn một câu thơ nhưng trong các bộ sách khác nhau, thậm chí trong cùng một bộ sách vẫn chưa có sự thống nhất về hình thức trình bày (ví dụ: (chim bay) *rập rờn/ dập dờn*).

Trong các bộ SGK Tiếng Việt tiểu học, nếu lưỡng khả âm đầu phổ biến thì lưỡng khả âm chính và âm cuối xuất hiện thưa thớt hơn. Chỉ có 01 trường hợp lưỡng khả âm cuối (/t/ và /k/) "*bồ cát/ bồ các*", theo đó, biến thể "*bồ cát*" vốn là từ địa phương. Có 08 trường hợp lưỡng khả âm chính, cụ thể như sau:

STT	Lưỡng khả âm chính	Thể hiện trên chữ viết (vần)	Ví dụ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ trong cặp lưỡng khả (%)
1	/ă/ và /ɤ̆/	a (au) /â (âu)	(phép) *màu*	5	62,5
			(phép) *mầu*	3	37,5
2	/ă/ và /ɤ̆/	A (ay)/ â (ây)	*nảy* (mầm)	3	75
			nẩy (mầm)	1	25
			vảy (cá)	5	62,5
			vẩy (cá)	3	37,5
			mày	3	75
			mầy	1	25
			(thằng) *này*	5	83,3
			(thằng) *nầy*	1	16,7
3	/a/ và /i/	a/i	*ngàn*	2	33,3
			nghìn	4	66,7
4	/a/ và /ɤ/	a/ơ	*tha* thẩn	2	50
			thơ thẩn	2	50
5	/a/ và /ɯɤ/	a/ươ	*đang*	8	88,9
			đương	1	11,1
6	/e/ và /i/	ê/i	*kênh*	4	66,7
			kinh	2	33,3
			(ra) *lệnh*	2	40
			(ra) *lịnh*	3	60
7	/ĕ/ *và /i/*	a (anh) /i (inh)	*sanh*	1	16,7
			sinh	5	83,3
Tổng				66	

Hiện tượng lưỡng khả âm chính chủ yếu là do sự tồn tại song song giữa từ toàn dân và từ địa phương (*mày/ mầy; đang/ đương; lệnh/ lịnh, kênh/ kinh*…). Các cặp từ láy gần nghĩa, gần âm (*tha thẩn/ thơ thẩn*) không phong phú như trường hợp lưỡng khả âm đầu, cũng không thể hiện dấu ấn tu từ rõ nét. Bên cạnh đó, một số trường hợp còn ít nhiều gây tranh luận (VD: *nảy/ nẩy; vảy/ vẩy…)*, bởi chúng được dùng trong những ngữ cảnh rất giống nhau, không hề có sự phân biệt hay chú giải nào. Những trường hợp này mặc dù đã được gợi ý rất thuyết phục trong công trình của tác giả Nguyễn Văn Khang [5], nhưng vẫn chưa có sự thống nhất cao trong quá trình biên soạn.

Đối với thanh điệu, sự xuất hiện đồng thời của các cặp lưỡng khả trong SGK tiếng Việt tiểu học không nhiều. Trong số 6 thanh điệu, hiện tượng này thể hiện như sau:

STT	Lưỡng khả thanh điệu	Ví dụ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ trong cặp lưỡng khả (%)
1	ngang/ sắc	*Xao động (cây)*	2	66,7
		Xáo động (cây)	1	33,3
		Nao nức	3	60
		Náo nức	2	40
2	ngang/ huyền	*Ngưng*	1	16,7
		Ngừng	5	83,3
3	nặng/ sắc	Quật (túi bụi)	1	50
		Quất (túi bụi)	1	50
4	hỏi/ ngã	(mây bay) *lửng lơ*	3	75
		(mây bay) *lững lờ*	1	25
		Rủ (xuống)	2	66,7
		Rũ (xuống)	1	33,3
Tổng			23	

Các cặp từ lưỡng khả thanh điệu được dùng song song, nhằm thể hiện cách diễn đạt thông thường và lối dùng từ sáng tạo nghệ thuật: hoặc thể hiện tính nhạc cho câu văn, câu thơ (ví dụ: *xao động, nao nức, ngưng*...), hoặc thể hiện các sắc thái tu từ khác nhau (VD: *lửng lơ/ lững lờ; rủ/ rũ*...). Đặt trong thế đối sánh, sự khác biệt về sắc thái tu từ ở đây chính là sự khác biệt về nghĩa biểu niệm (ở nét nghĩa biệt vị tận cùng) hoặc nghĩa biểu thái. Việc sử dụng các cặp từ lưỡng khả thanh điệu tuy không gây ảnh hưởng mạnh mẽ, nhưng nếu được lí giải cặn kẽ sẽ rất hữu ích trong việc mở rộng vốn từ cho học sinh tiểu học.

3. Một số đề xuất trong công tác biên soạn và giảng dạy trước hiện tượng lưỡng khả ngữ âm trong SGK tiếng Việt tiểu học

Ở thời điểm hiện tại, khi SGK là phương tiện cung cấp chất liệu dạy học, việc tham khảo nhiều bộ sách khác nhau để bổ sung ngữ liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt là công việc quen thuộc của những giáo viên tâm huyết. Bên cạnh đó, những phụ huynh sát sao cũng thường chủ động tham khảo từ nhiều nguồn SGK khác nhau để nâng cao chất lượng học tập của con em. Vì thế, cần khẳng định rằng sự khác biệt về hình thức ngữ âm như nêu trên không phải hiện tượng sai chính tả, mà thực chất là nhiều hình thức chính tả. Trong các hình thức ấy, nếu chuẩn chính tả và biến thể được xác định rõ ràng thì việc dạy học sinh tiểu học viết đúng kĩ thuật, dùng từ đúng ngữ cảnh sẽ thuận lợi hơn rất nhiều. Xin được đưa ra một vài đề xuất như sau:

3.1. Đối với giáo viên và phụ huynh học sinh tiểu học

Trước tiên, người dạy cần giải thích để học sinh hiểu rằng lưỡng khả ngữ âm vốn là những từ đồng/ gần nghĩa và có cách phát âm giống nhau. Với những cặp từ toàn dân và từ địa phương, cần lấy các ví dụ để học sinh nhận diện, chỉ rõ từ được sử dụng phổ biến trên phạm vi cả nước hay ở một khu vực, một vùng miền. Chẳng hạn, khi hướng dẫn học sinh nhận diện từ "*nĩa*" (Tiếng Việt 1, Tập 1, Bài 3, tr.55 - bộ CTST), người dạy nên giới thiệu thêm từ toàn dân "*dĩa*"; ngược lại, khi dạy đọc Bài 23 (Tiếng Việt 1, Tập 1, tr.59 - bộ KNTT), người dạy nên giới thiệu thêm từ *nĩa* (phương ngữ Nam Bộ). Đối với các cặp từ "*tranh/ gianh; trời/ giời; trở/ giở; kênh/ kinh; lệnh/ lịnh, bồ cát/ bồ các*,….", thao tác cũng diễn ra tương tự.

Với các biến thể mang dấu ấn nghệ thuật, người dạy cũng nên giới thiệu các từ trong cùng nhóm lưỡng khả và giải thích sơ lược về dụng ý nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ. Theo đó, ở cùng một ngữ cảnh, nếu thay thế từ này bằng một từ khác đồng nghĩa/ gần nghĩa và gần âm, sự khác biệt tinh tế giữa các từ chính là hàm ý mà tác giả muốn gửi gắm. Chẳng hạn: từ "*lon xon*" và "*lon ton*" có thể

thay thế được cho nhau trong các câu thơ "Những thằng cu áo đỏ chạy *lon xon*" (TV4 Tập 2, tr.64- bộ CTST); "Hay chạy *lon xon*/ Là gà mới nở" (Tiếng Việt 4, Tập 1 tr.35 - bộ CTST); "Dã tràng cõng nắng *lon xon*" (Tiếng Việt 3, Tập 1 tr.135 - bộ KNTT) bởi cùng diễn tả dáng đi, dáng chạy với những bước ngắn, nhanh nhảu, hồ hởi. Tuy nhiên, "lon xon" còn đem lại cảm giác gợi tả rất tinh tế về âm thanh (tiếng sột soạt của quần áo trẻ nhỏ, tiếng chân gà con mới nở bé xíu hay tiếng chân dã tràng khua rất nhẹ trên cát…), đó có thể là lí do các tác giả lựa chọn từ này.

Từ những giải thích mang tính gợi mở ấy, người dạy khuyến khích học sinh tìm thêm các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc gần âm với các từ đang được xem xét. Điều này vừa khơi gợi hứng thú học tập cho học sinh, vừa mở rộng vốn từ vựng, lại vừa phát huy được năng lực cảm thụ văn học của trẻ,

3.2. Đối với đội ngũ tác giả biên soạn

Trước những hiện tượng lưỡng khả ngữ âm như vừa nêu, các tác giả cần căn cứ vào từ điển tiếng Việt để có sự lựa chọn chính xác nhất. Theo đó, từ chuẩn chính tả và được sử dụng phổ biến sẽ được giải thích kĩ lưỡng trong từ điển, còn biến thể vốn ít được dùng hơn thường được chú thích tương đương với từ trước/ sau đó mà không có lí giải thêm. Chẳng hạn, để diễn tả chuyển động uyển chuyển của cánh cò, cánh bướm…, hiện nay có 2 hình thức chính tả đang cùng tồn tại trong các bộ SGK:

- Cánh cò bay lả *rập rờn* (Tiếng Việt 1, Tập 2, tr.163- bộ KNTT)
- *Dập dờn* những cánh cò (Tiếng Việt 1, Tập 2, tr.44- bộ KNTT)
- Bướm trắng, bướm nâu bay *rập rờn* (Tiếng Việt 4, Tập 1, tr.34- bộ CTST)
- Quanh nó, thấp thoáng những cánh bướm *dập dờn* (Tiếng Việt 4, Tập 2, tr.15- bộ CD)

Theo Từ điển tiếng Việt, các từ này được định nghĩa như sau: "*dập dờn*": Chuyển động lúc lên lúc xuống, lúc ẩn lúc hiện, lúc gần lúc xa, nối tiếp nhau liên tiếp và nhịp nhàng [9; 334]; "*rập rờn*": Xem *dập dờn* [9; 1062]. Như vậy, "*dập dờn*" được coi là hình thức chuẩn âm, còn "*rập rờn*" chỉ là biến thể.

Ngoài ra, để có thể dự đoán xu hướng sử dụng của các hình thức ngữ âm trong cùng cặp lưỡng khả, các tác giả có thể tham khảo kết quả tra cứu trực tuyến qua website https://www.google.com/ ; https://coccoc.com/ hoặc các trình duyệt có chức năng tìm kiếm tương đương. Theo đó, trường hợp nào có kết quả tìm kiếm nhiều hơn sẽ phản ánh tần suất sử dụng cao ở thời điểm hiện tại, và có khả năng sẽ là sự lựa chọn trong tương lai. Mặc dù kết quả cụ thể ở mỗi thời điểm tra cứu không giống nhau, nhưng tỉ lệ giữa các trường hợp đối sánh hầu như không thay đổi. Chẳng hạn, khi tra cứu một số trường hợp tiêu biểu (thời điểm tra cứu 7h00 ngày 18/7/2023), kết quả thu được như sau:

STT	Lưỡng khả âm chính	Tra cứu: https://coccoc.com/	Tra cứu: https://www.google.com/	Phương án lựa chọn
1	*màu* (nhiệm)	Có 135.324 kết quả	Khoảng 124.000.000 kết quả (0,43 giây)	
	mầu (nhiệm)	Có 610.265 kết quả	Khoảng 3.300.000 kết quả (0,36 giây)	x
2	*nảy* (mầm)	Có 245.466 kết quả	5.290.000 kết quả (0,31 giây)	x
	nẩy (mầm)	Có 58.310 kết quả	569.000 kết quả (0,33 giây)	
3	*vảy* (cá)	Có 338.083 kết quả	Khoảng 7.750.000 kết quả (0,33 giây)	x
	vẩy (cá)	Có 121.776 kết quả	Khoảng 2.960.000 kết quả (0,33 giây)	
…	...	…	…	…

Hơn nữa, để thuận tiện cho việc dạy và học, sau khi sử dụng hình thức biến thể, các tác giả nên bổ sung phần chú thích bằng các từ chuẩn chính tả. Việc làm này không chỉ khẳng định tính chính xác của hình thức ngữ âm được lựa chọn, đảm bảo được nguyên tác của nhà văn/ nhà thơ, mà còn giúp học sinh có ý thức mở rộng vốn từ, từ đó phát huy năng lực tự học.

4. Kết luận

Xem xét hiện tượng lưỡng khả ngữ âm trong SGK tiếng Việt tiểu học, bài viết này không nhằm mục đích phân định rạch ròi đúng/ sai để đi đến một lựa chọn duy nhất cho một đơn vị ngôn ngữ, mà chỉ đưa ra những gợi ý để nâng cao chất lượng dạy học môn học này. Trong những tình huống thông thường, các bộ sách nên có sự thống nhất trong sử dụng hình thức chính tả để tránh gây hiểu nhầm hoặc khó xử cho người dạy và người học. Trong những trường hợp đặc biệt, để đảm bảo sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, hoặc để thể hiện đặc trưng diễn đạt vùng miền, các bộ sách nên bổ sung phần chú giải hoặc gợi dẫn phù hợp. Việc làm nhỏ này giúp học sinh tiểu học rèn luyện, phát huy được các năng lực chung và năng lực đặc thù, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới giáo dục phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể Chương trình giáo dục phổ thông; Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quyết định số 1989/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc Ban hành quy định về chính tả trong chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
3. Trần Trí Dõi (2013), "Trao đổi thêm về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn chính tả tiếng Việt", Tạp chí *Ngôn ngữ* số 11, tr.14-21.
4. Hoàng Văn Hành (2002), *Những định hướng và bình diện của công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt,* trong "Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam", Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Văn Khang (2003), *Kế hoạch hoá ngôn ngữ: Ngôn ngữ học xã hội vĩ mô,* Nxb Khoa học Xã hội, tr.414-433.
6. Hoàng Phê (1983), *Vấn đề chuẩn chính tả*, trong "Chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ", Trung tâm Biên soạn sách cải cách giáo dục và Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, Nxb Giáo dục, tr.103-132.
7. Hoàng Phê (1999), *Chính tả tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
8. Hoàng Phê (1980), "Chuẩn hoá tiếng Việt về mặt từ vựng", Tạp chí *Ngôn ngữ* số 1, tr.27-40.
9. Trung tâm Từ điển học Vietlex (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
10. Hồ Xuân Tuyên (2005), "Chọn chuẩn chính tả cho những trường hợp lưỡng khả", Tạp chí *Ngôn ngữ* số 8, tr.37-43.
11. Hoàng Thị Yến, Bae Yang-soo (2018), "Vấn đề chuẩn chính tả tiếng Việt", *The Vietnamese Studies Review,* No. 16 (2018.12), pp.3-38, DOI: 10.31535/VS.2018.16.003.

Phonetic ambiguities in "tieng Viet" elementary textbooks

Abstract: Phonetic ambiguities are cases in which a language unit has many different orthographic forms that are all accepted by the language community. In communication, phonetic ambiguity does not have a great influence; but in teaching, especially in primary education, it makes unnecessary troubles. From the analysis of specific cases, the article makes a few suggestions to contribute to unifying the spelling form presented in schoolbooks, thereby helping to make teaching Vietnamese at primary schools more effective convenient, and efficient.

Key words: phonetic ambiguity; Vietnamese phonetic; standard orthography; textbooks; primary education.